

# 55 NĂM NHÌN LẠI

(Tự-Truyện)

NGÔ VĂN QUẾ

## Phần III : Biên Cố 1975

Chương 1: Nguyên Nhân

Chương 2: Tù Cải Tạo

Chương 3: Sống Bên Lề Xã Hội Cộng Sản

## Chương 1: Nguyên Nhân

Hiệp ước đình chiến 20-7-54 lấy vĩ tuyến 17 làm đường ranh giới quân sự và tạm thời chia cắt Việt-Nam thành hai miền. Hai bên quân đội Việt-Minh và Pháp tạm đình chiến, và để tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước trong hai năm. Tuy nhiên ngày tổng tuyển cử đó đã không bao giờ đến! Hai phe cộng sản và tư bản quốc tế công khai xuất hiện thù nghịch nhau, và gián tiếp tiêu diệt nhau trên chiến trường ở hai miền Nam và Bắc của Việt-Nam, kể từ 1955 đến 1975. Cả hai chính quyền bản xứ tại hai miền Nam lẫn Bắc, đều do các siêu cường Hoa-Kỳ, Liên-Xô, và Trung-Cộng trực tiếp chỉ đạo, và viện trợ về mọi mặt. Cuộc chiến tranh ý thức hệ, nhất là cuộc chiến tranh lạnh sau khi đại chiến thế giới thứ hai chấm dứt và tranh giành ảnh hưởng giữa hai phe tự do tư bản và độc tài cộng sản, đã diễn ra rất ác liệt trên mảnh đất của hai miền Nam, Bắc suốt trên hai mươi năm. Cuộc chiến đó, hoàn toàn do ngoại bang chi phối và chủ yếu vì lợi ích của họ hơn là vì Việt-Nam.

Sau 1954, Hoa-kỳ thiết lập phòng tuyến chống sự bành trướng chủ nghĩa cộng sản của Liên-Xô, và Trung-cộng xuống Đông-Nam Á, qua việc thiết lập và viện trợ cho chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa tại miền Nam. Việc Hoa-kỳ thay thế Pháp tại miền Nam Việt-Nam, sau 1954 không phải để xâm lăng Việt-Nam, mà là để ngăn chặn (containment) sự bành trướng của cộng sản quốc tế tại đây và Vùng Đông Nam Á. David Halberstam viết trên tạp chí New York Times năm 1965,

*"Việt Nam là một xứ sở thuộc một khu vực chiến lược, có lẽ là một trong năm hoặc sáu quốc gia độc nhất thực sự gắn kết sinh tử tới quyền lợi của Mỹ."*

(Nguyễn Văn Lục, 2010:162).

Trong khi đó, một chính quyền cộng sản độc tài thiết lập tại miền Bắc, bởi đảng cộng sản Việt-Nam do ông Hồ Chí Minh thành lập năm 1930 với sự chỉ đạo của cộng sản quốc tế, theo học thuyết dùng bạo lực và chuyên chế của Mac-Lenin, do Liên-Xô và Trung-cộng chỉ đạo để đối đầu với Mỹ. Sau hội nghị Geneve, Quốc Vụ Khanh John Foster Dulles tuyên bố:

*"Điều quan trọng đối với thế giới tự do là không được để miền Bắc Việt Nam dẫn đến chủ nghĩa cộng sản bành trướng ra toàn thế khu vực Đông Nam Á."*

(Nguyễn Phú Đức, 2009:101)

Với chiến dịch **Đông Khởi** tại tỉnh Bến Tre năm 1960 do ĐCSVN phát động, nhất là trận đụng độ quân sự giữa quân cộng sản và quân đội VNCH tại **Áp Bắc** đầu năm 1963; cuộc chiến tranh - được tuyên truyền là "giải phóng dân tộc" được phát động tại miền Nam Việt-Nam để thiết lập chế độ cộng sản trên cả nước- bắt đầu. Theo nhận xét của người viết, đảng Cộng Sản Việt-Nam phát động cuộc chiến tranh tại miền Nam không chỉ là bành trướng chủ nghĩa cộng sản quốc tế, mà còn là vì thống nhất đất nước để **giải toả mặc cảm tội lỗi đã ký hiệp định Geneve chia đôi đất nước** năm 1954. Nhưng chiêu bài "giải phóng dân tộc" thì không đúng vì dân miền Nam đâu có bị nô lệ ai, Mỹ đến để giúp miền Nam chống cộng sản chứ không xâm lược; còn **"thống nhất đất nước" do đảng cộng sản cai trị thi toàn dân Việt-Nam không bao giờ muốn sống trong kèm kẹp, nghèo đói và tụt lùi** (going backward).

Vì Mỹ chủ quan cho rằng họ có thể thắng được cộng sản tại miền Nam Việt Nam bằng quân sự với chiến tranh qui ước, quân đội Mỹ đã bắt đầu đổ vào miền Nam từ năm 1965 mà cao điểm đã đến hơn nửa triệu

quân vào năm 1969. **Việc quân đội Mỹ trực tiếp chiến đấu tại Nam Việt Nam làm cho cuộc chiến chống cộng sản của người Việt bị mất chính nghĩa**, và bị đối phương tuyên truyền là lính Mỹ đi xâm lược. Trên thực tế, sự hiện diện của Mỹ tại Nam Việt Nam không phải là tham vọng thực dân, mà là ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản và phát huy tự do và dân chủ.

Sau hơn bốn năm trực tiếp tham chiến, không thấy chiến thắng được bằng quân sự, thêm vào đó là những sự chống đối tại nước Mỹ, chính quyền Nixon phải tính chuyện rút quân và hoà đàm để rút lui bằng mọi giá. Về vấn đề này, Mỹ đã có những cuộc gặp gỡ với cả Liên Xô lẫn Trung Cộng. Kissinger đã nói với Chu Ân Lai tại Bắc Kinh ngày 22/06/1972:

*“Chúng tôi không nhằm tiêu diệt Hà Nội và ngay cả chuyện thắng Hà-Nội chúng tôi cũng không nghĩ đến. Nếu có thể sống với một chính phủ cộng sản ở Trung Quốc, thì chúng tôi cũng có thể chấp nhận một chính phủ cộng sản ở Đông Dương.”*

(Nguyễn Văn Lục, 2010: 16).

Điều đáng chú ý là trong cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt-Nam, sự quan hệ giữa Mỹ và Trung Cộng, rồi giữa Mỹ và Liên-Xô không thật sự giống nhau, nhất là sau khi có sự rạn nứt trong quan hệ giữa Liên-Xô và Trung-Cộng về chủ nghĩa xét lại trong khối cộng sản quốc tế. Thật vậy, Trung-Cộng muốn giúp Mỹ tìm được một giải pháp hoà bình cho cuộc chiến ở Việt Nam, dĩ nhiên trong đó có lợi cho cả họ:

*“Mao Trạch Đông khuyến cáo các nhà lãnh đạo Việt Nam giữ nguyên trạng ở miền Nam Việt Nam chung sống hoà bình lâu dài giữa hai miền Việt-Nam bằng cách nêu ra vấn đề Đài-loan”*  
(Nguyễn Phú Đức, 2009:274)

Trong khi đó, Liên-Xô tiếp tục gia tăng viện trợ quân sự cho Bắc Việt- Nam và từ chối giúp Mỹ gây áp lực với ĐCSVN tìm giải pháp hoà bình.

*“Tại Matxcova, trong cuộc hoà đàm với Leonid Brejnev diễn ra ngày 20-4, Kissinger đề cập vấn đề Việt Nam, Brejnev nhắc lại cho Kissinger câu ‘kinh Thánh quen thuộc’ là chính phủ Xô-Việt không thể can thiệp vì không có nhiều ảnh hưởng lắm đối với Hà-Nội. Về vấn đề chở vũ khí chiến tranh cho Bắc Việt Nam, Brejnev chỉ đơn giản chối không trả lời các vấn đề cụ thể.”*  
(Nguyễn Phú Đức, 2009:277)

Việc phải đến đã đến, Mỹ đã lần lượt rút quân ra khỏi miền Nam Việt-Nam, trước khi hiệp định Paris 1973 ra đời. Và Mỹ cũng cắt giảm viện trợ cho chính phủ, và quân đội của miền Nam tới mức độ hầu như không còn gì cả một cách có sắp xếp trước.

*“Viện trợ quân sự Mỹ cho miền Nam Việt Nam trước đây là 1, 614 triệu cho năm tài chính 1972-1973, nay rút xuống 1, 026 triệu cho năm 1973-1974, rồi đến năm 1974-1975 chỉ còn 700 triệu nghĩa là còn trên một nửa.”*

(Nguyễn Phú Đức, 2009:360).

Thực ra, **số 700 triệu này cũng bị Quốc hội Mỹ bỏ phiếu không chấp thuận vào giờ chót.**

Trong khi đó, chế độ cộng sản tại miền Bắc **vẫn được các thế lực cộng sản quốc tế viện trợ dồi dào về quân sự.** Vì lẽ đó, tháng 4 năm 1975, cuộc chiến tranh giữa tư bản và cộng sản chấm dứt với sự chiến thắng của phe cộng sản. Trên cùng trang sách tác giả Nguyễn Phú Đức cho biết thêm:

*“Trong thời gian đó viện trợ của Liên-Xô cho Hà-Nội **tăng gấp đôi** sau ngừng hẳn, đạt lên tới con số 1, 7 tỷ đô la cho năm 1974, và **vật tư trang bị quân sự từ 2, 8 triệu tấn năm 1973 tăng lên 3, 5 triệu tấn năm 1974.**”*

Về mặt quân sự, miền Nam Việt Nam đã thua trận, và quân đội cộng sản đã hoàn toàn làm chủ Sài-Gòn trưa ngày 30-4-1975.

Theo quan điểm cá nhân, người viết thiết nghĩ chiến tranh Việt Nam là một cuộc chiến tranh hao mòn (war of attrition). Bên nào có thể kiên nhẫn chịu đựng được lâu dài nhất thì bên đó thắng. Và cộng sản Việt-Nam đã áp dụng một loại chiến tranh kết hợp giữa du kích chiến và trận địa chiến - không phải qui ước chiến.

Việt-Nam được thống nhất dưới chế độ cộng sản, và đổi thành Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt-Nam. Danh hiệu nước này rập khuôn theo mô hình của 15 nước Cộng-hoà Xã-hội Chủ-nghĩa thuộc liên bang Xô-Việt, do đảng cộng sản Liên-Xô lãnh đạo!

Thống nhất đất nước là ước nguyện chung của mọi người dân Việt Nam. Nhưng thống nhất đất nước trong một chế độ không cộng sản, có tự do dân chủ đa đảng, và nền kinh tế thị trường mới là một ước nguyện thiết tha của mọi người dân Việt Nam. Việc Đảng Cộng Sản Việt Nam đã áp đặt một nước Việt Nam thống nhất theo chế độ cộng- sản độc tài đảng trị theo mô hình quốc tế cộng sản là đi ngược lại mong muốn của toàn dân. Vì thế, biến cố 30-4-1975, và việc thiết lập chế độ cộng sản trên toàn bộ đất nước, đã dẫn đến sự bỏ nước ra đi tìm tự do của người Việt. Kể từ biến cố này, cho đến khoảng 15 năm sau ngày thống nhất, người ta ước tính có khoảng gần 2 triệu người đã vượt biên bỏ nước ra đi tìm tự do và cuộc sống mới. Và hàng trăm ngàn người đã mất mạng sống trên đường đi tìm tự do để lánh nạn cộng sản, đến nỗi lương tâm thế giới đã phải thức tỉnh.

Thực tế, và qua sách, báo, Mỹ thực sự muốn giúp miền Nam Việt Nam thoát khỏi ách cộng sản. Mỹ đã đổ của cải và cả nhân lực vào miền Nam để giúp miền Nam không bị nhuộm đỏ. Tuy nhiên, cách thức giúp đỡ đó của họ đã không hiệu quả, nếu không muốn nói là sai lầm. Nếu người Mỹ chỉ gián tiếp giúp đỡ về mọi mặt, và không trực tiếp can thiệp vào công cuộc chống cộng sản, nhất là đơn phương đổ quân vào chiến đấu ở miền Nam, có lẽ miền Nam đã không bị rơi vào sự thống trị của đảng cộng sản Việt Nam. Tôi có thể nói rằng nguyên nhân dẫn đến ngày 30-4-1975, đại để là do chính sách giúp đỡ của Mỹ cho miền Nam đã không hợp tình, hợp lý, làm mất chủ quyền của Việt-Nam Cộng Hoà, không kiên trì và nhất là đã có sự thay đổi chiến lược toàn cầu của Mỹ. Kế đến là do chính quyền Việt-Nam Cộng - Hoà đã không có một lãnh tụ giỏi tập hợp được một lực lượng thống nhất, đủ mạnh về chính trị để đối đầu với cộng sản. Hàng ngũ quốc gia chia rẽ, nhất là không tạo được thế chủ động về mọi mặt.

Quân đội Việt-Nam Cộng-Hoà chiến đấu giỏi, nhưng đã bị tan rã là do lãnh đạo cấp cao không giỏi, nhất là đã bị đồng minh Mỹ phản bội. Thực tế cho thấy có nhiều đơn vị đã không được chiến đấu gì cả, mà chỉ lo rút lui do lệnh cấp trên. **Thực sự, họ không phải là những người chiến bại, chẳng qua chỉ bởi vì họ không có cơ hội chiến đấu, nhất là không đủ phương tiện tinh thần và vật chất để tiếp tục chiến đấu.** Và cuối cùng, khối cộng sản quốc tế, đặc biệt là Liên-Xô, đã kiên trì viện trợ vũ khí cho đảng cộng sản Việt-Nam để tung ra những trận đánh cuối cùng trong cuộc chiến, sau khi biết rằng Mỹ đã bỏ cuộc tại miền Nam! Tác giả Trúc Minh Lê Văn Nhậm, trong tác phẩm “*Mệnh Nước Nổi Trôi Việt-Nam: 1945-2015*”, trang 348 đã nhận xét: *“Sự thất bại của Tổng thống Thiệu đã chứng tỏ ông ta không có khả năng chỉ huy quân đội, và lãnh đạo đất nước.”*

Như chúng ta đều biết, một khi có lãnh đạo cương quyết và thống nhất, Quân lực Việt Nam Cộng Hoà thực sự đã chiến đấu anh dũng và chiến thắng cộng quân qua các trận như Tổng tấn công Tết Mậu –Thân 1968, Mùa hè 1972 tại Quảng-Trị, Trận chiến An-Lộc, Bình-Long, Kon-Tum và trận chiến anh dũng cuối cùng tại Xuân-Lộc, Long-Khánh, tháng 4/1975. Chính Hoa-kỳ cũng đã phải nhìn nhận những thành tích này của QLVNCH. Tác giả Trúc Minh Lê Văn Nhậm, trong cùng tác phẩm cho biết trong các trang 369-370 như sau:

*“Mãi cho đến 25 năm sau khi chiến tranh Việt-Nam chấm dứt, Quốc hội Hoa -Kỳ khóa 106 đã thông qua Nghị quyết số 322 (Resolution number 322) ngày 10 -07-2000 chính thức nhìn nhận và vinh danh người chiến sĩ QLVNCH về các thành quả và sự dũng cảm của họ đã sát cánh cùng chiến sĩ Hoa-Kỳ trong cuộc chiến đấu bảo vệ lý tưởng tự do.”*

Bất chấp những nguyên nhân nào, biến cố 30-4-75 cũng đã trở thành hiện thực. Nó đã dẫn đến một thảm kịch là nhân dân cả nước nghèo khổ, mất hết tự do, và không có lấy một chút dân chủ. Hàng trăm nghìn cộng sự viên của chế độ cũ bị đảng cộng sản Việt-nam bắt đi tù cải tạo. Và hàng triệu người phải bỏ nước ra đi tìm tự do, cho dù phải chết trên biển cả hay trong rừng sâu! **Thật là ê chề và nhục nhã cho một chế độ chính trị như chế độ của cộng sản Việt-Nam, khi mà nhân dân phải ruồng bỏ chế độ cộng sản, và bỏ cả quê hương để đi tìm một cuộc sống mới!**

## Chương 2 : Tù Cải Tạo.

Sau biến cố tháng 4/75, chế độ Việt Nam Cộng Hoà hoàn toàn bị sụp đổ, và chế độ cộng sản thống trị trên toàn cõi Việt-Nam. Đơn vị sau cùng mà tôi phục vụ là Trung Tâm Huấn luyện Quang-Trung. Trước 30-4-75 khoảng một tuần lễ, tôi thấy tình hình chiến sự có vẻ nguy ngập. Việt cộng đã có ưu thế về mặt quân sự một cách rõ ràng. Tuy nhiên, tôi vẫn nghĩ rằng dù sao chăng nữa, cũng phải có một giải pháp để di tản các quân nhân và viên chức hành chánh của Việt-Nam Cộng Hoà, một giải pháp tương tự như sau hiệp ước đình chiến 1954. Nhưng cuối cùng, như mọi người thấy, không có một giải pháp nào đã đến. Và toàn bộ quân nhân, cũng như viên chức hành chánh của Việt- Nam Cộng- Hoà đã bị đưa đi nhốt trong các trại tù cải tạo sau đó không bao lâu.

Tôi được cấp chỉ huy trực tiếp chính thức ra lệnh buông súng, và gĩa từ quân đội, ngay sau khi có lệnh buông súng được loan báo trên đài phát thanh, khoảng 11 giờ sáng ngày 30-4-1975. Mang tâm trạng của một kẻ chiến bại, vừa buồn bực, vừa lo sợ, tôi cùng với vợ tôi dờn nhiệm sở làm việc, và nơi ở trong cư xá để trở về sống với gia đình bố mẹ tôi tại Sài-Gòn. Mặc dù đã trở lại đời sống dân sự, tôi vẫn hoang mang, và đôi lúc tự hỏi không biết chính quyền cộng sản sẽ có chính sách như thế nào đối với những thành viên của chế độ cũ, nhất là những sĩ quan của quân đội cũ.

Trong suốt thời gian khoảng hơn một tháng sau kể từ 30-4, Tôi không thấy có một dấu hiệu cụ thể nào về thái độ của họ đối với các cấp sĩ quan của quân đội cũ. Và những người cùng cảnh ngộ như tôi cũng đã có những thắc mắc tương tự. Cuối cùng, chính quyền cộng sản ra thông cáo kêu gọi tất cả các sĩ quan thuộc chế độ cũ, đăng ký trình diện học tập cải tạo. Nội dung của thông báo này còn nói thêm là mỗi người mang theo quần áo, và thức ăn cho 10 ngày. Nhiều người đã bàn tán về cái thông báo lắt léo đó-chỉ mang theo các thứ cần thiết cho 10 ngày. Thậm chí có người còn suy luận rằng như thế là chỉ học tập có mười ngày!

Riêng tôi, tôi không tin là chỉ đi tập trung để học tập trong thời gian ngắn như thế. Tôi cho rằng thời gian phải dài hơn, nhưng tôi không thể quyết đoán thời gian lâu hơn là bao nhiêu. Một điều đơn thuần là chính quyền cộng sản chưa chuẩn bị kịp các thứ sẵn sàng để nuôi tù cải tạo, trong thời gian đầu. Hơn nữa, đối với cộng sản - theo họ nghĩ -, sĩ quan các cấp của chế độ cũ là kẻ thù có nợ máu với họ.

Tôi khẩn gúi lên đường đăng ký tập trung vào chiều ngày 23-6-75. Trước khi đi, tôi có nói lời chào từ biệt bố mẹ tôi.

- Thưa cậu mợ con đi.
- Ừ, con đi cho được bình an, bố tôi nói khế như muốn khóc.

Tôi biết bố tôi rất âu lo, và đau khổ trong lòng, dù không nói ra, trước lúc tôi đi, bởi vì bản thân bố tôi đã có hiểu biết về bản chất cộng sản trong quá khứ.

Vợ tôi, lúc đó, đang mang thai đứa con đầu lòng của chúng tôi độ gần 7 tháng, cùng đi với tôi đến địa điểm đăng ký. Trên đường đi, tôi thầm ước là sẽ chỉ bị tập trung vài tháng, và mong rằng tôi về kịp lúc vợ tôi sinh nở. Khi đến trước cửa cơ quan đăng ký, tôi vội vàng từ gĩa vợ tôi, bởi vì tôi thấy kéo dài thời gian với vợ tôi lúc đó chỉ là thêm bịn rịn lúc chia ly. Cảm nghĩ của tôi lúc bấy giờ rất mừng lung, và dửng dăng - nửa muốn vào đăng ký, nửa không. Tôi phải lấy can đảm và ngay lập tức, tôi nắm tay vợ tôi và nói:

- Anh đi, em an tâm ở nhà. Hy vọng anh sẽ về kịp lúc em sinh con.
- Thôi anh đi và ráng giữ gìn sức khỏe.

Tôi không dám nhìn lại vợ tôi một lần nữa vì sợ cảnh bịn rịn lúc chia tay, và bước chân tôi, như một cái máy, cứ thế bước thẳng vào cơ quan mà lòng buồn khôn tả!

Khi đến bàn đăng ký tên với nhân viên phụ trách, tôi đã có cái cảm giác khó chịu về những từ ngữ, cũng như cách phục sức của những người phụ trách- vì khác màu cờ, sắc áo! Nhưng mọi việc cũng qua đi, và tinh thần tôi khá ổn định lại, không như lúc chưa làm thủ tục đăng ký. Tôi còn nhớ, một cơn mưa to đã trút nước tầm tã xuống Sài-Gòn, khoảng 4 hoặc 5 giờ chiều hôm đó. Và cơn mưa đó dường như đã gieo điềm báo trước là tôi sẽ phải trải qua một chặng đường dài, đầy gian khổ, và trong một tương lai mù mịt.

Không độ 12 giờ đêm hôm đó, họ di chuyển chúng tôi đến một địa điểm khác, cách Sài-Gòn độ 30 cây số về phía bắc. Tại nơi giam giữ này, chúng tôi phải đi lao động, học tập chính trị, và khai lý lịch về những hoạt động trong quá khứ. Tôi ở trại giam này, trại Suối-Máu, khoảng một năm, và sau khi thanh lọc qua việc kê khai lý



lich, tôi cho là như thế, phần lớn chúng tôi bị đưa ra miền Bắc, trong đó có tôi. Trước đó, chúng tôi nghe phong phanh rằng sẽ có chuyển trại, nhưng không biết chừng nào, và đi đâu. Mãi cho đến một ngày, chúng tôi được lệnh thu xếp tất cả đồ đạc cá nhân, sau đó, tập hợp để họ khám xét tư trang, và chờ lệnh di chuyển đi trại tù khác.

Chúng tôi bị nhét chật ních vào những chiếc xe vận tải, và đoàn xe bắt đầu chuyển bánh vào lúc ban đêm. Xe được che bịt kín, nhưng qua kẽ hở nhỏ, chúng tôi biết đang hướng về phía Sài-Gòn. Lúc đầu, chúng tôi còn bàn tán rằng đi đâu cũng được, miễn sao về hướng đó là được. Nhưng cuối cùng, đoàn xe dừng lại tại bến tàu Tân-Cảng, cạnh Xa lộ Sài-Gòn và Biên-Hoà. Khi nhìn thấy một chiếc tàu thủy khá lớn đậu tại đó, chúng tôi mới vỡ lẽ là họ đưa chúng tôi ra Bắc. Từ giây phút này trở đi, mọi người trong chúng tôi, ai nấy đều buồn thiu, không ai muốn nói một lời nào cả.

Khi biết được bị đưa ra miền Bắc, thú thật rằng tôi bị choáng váng, và buồn thê thảm. Tôi tự xác định rằng việc tập trung cải tạo này còn nhiều gian truân, tương lai rất bất bênh, mù mịt, và ngày về không phải là trong một thời gian ngắn như tôi đã suy luận.

*Cũng liều nhắm mắt đưa chân*

*Mà xem con tạo xoay vần đến đâu*

Hai câu thơ trong Kim Vân Kiều của cụ Nguyễn Du giúp tôi củng cố được tinh thần trong lúc đó.

Chúng tôi bị nhốt trong những hầm tàu, chen chúc nhau nằm, ngồi la liệt trên sàn tàu. Trong một, hai ngày đầu, tình trạng vệ sinh còn có thể kham được, nhưng sau đó, tình trạng ăn, ở trên tàu càng ngày càng bần thũ kinh khủng. Điều này thật dễ hiểu: Sự ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân đều diễn ra tại một vị trí trên sàn tàu. Tôi thấy rõ ràng, chúng tôi đang bị nhốt giống như một lũ gà, vịt! Và tôi bắt đầu nhận ra rằng tôi đang thực sự ném mui tù đầy. Sau mấy ngày đêm trên biển, cuối cùng chúng tôi đặt chân lên miền Bắc.

Chúng tôi xuống cảng Hải-Phòng vào lúc trời nhá nhem tối. Nhìn tổng quát cảng Hải-Phòng, tôi thấy một khung cảnh vắng ngắt, lác đác với những ngọn đèn điện màu vàng úa. Nhà cửa được xây cất rất đơn sơ. Cảm tưởng đầu tiên của tôi là có lẽ toàn miền Bắc nghèo nàn, xác xơ như thế này đây? Ngay sau đó, chúng tôi lại bị nhét vào những toa xe lửa chật ních, khoá kín cửa để tiếp tục cuộc hành trình. Xuống ga xe lửa tại Yên-Bái, chúng tôi được chở đến thị trấn **Nghĩa-Lộ** bằng xe vận tải. Sau cùng, chúng tôi bị giam tại một địa điểm hẻo lánh, nằm trong tận đồi núi sâu thuộc Nghĩa-Lộ, và trú trong những căn nhà gạch cũ kỹ, hư nát. Về sau, chúng tôi được biết rằng những căn nhà đó, do thực dân Pháp xây lên để giam các tù nhân chính trị ái quốc của Việt-Nam hồi xưa.

Đây chỉ là nơi tạm giam, và kế tiếp không lâu, chúng tôi lại bị đưa đến một khu đồi núi khác thuộc **Tuyên-Quang**. Tại đây, chúng tôi phải lao động rất cực khổ để cất lên một trại giam mới. **Đúng là mình tự làm nơi để giam mình!** Ngày hai bữa ăn, với mỗi bữa được phát **một nắm bột mì luộc-to khoảng một nắm tay nhỏ**, và ăn với nước muối. Việc cho ăn nước muối không phải họ hà tiện, nhưng vì nếu phát muối bột hoặc hột, họ sợ tù tích trữ muối để trốn trại.

Hàng ngày, chúng tôi phải lội suối, trèo đồi, đốn cây và vác về để làm nhà theo chỉ tiêu ấn định. Đói, lạnh, lao động nặng, và thiếu dinh dưỡng đã khiến cho chúng tôi giống như những con trâu già đã kiệt sức, nhưng vẫn phải kéo cày! Mỗi người tù phải vác những khúc cây, những bó nứa nặng khoảng 40 đến 50 ký và không được phép nghỉ ngơi dọc đường. Tôi nhớ có lần tôi vác một bó nứa và đi xuống một ngọn đồi khá dốc. Đang xuống dốc và do bị đuối sức, tôi bị ngã và lăn xuống sườn núi một khoảng cách ngắn. Tôi cố gắng đứng dậy, gom những cây nứa để bó lại, và nước mắt tôi đã tự nhiên chảy ra. Tôi muốn kêu lên thật to, "*Trời ơi, sao tôi lại khổ như thế này!*" nhưng tôi đã kềm chế không kêu lên và ngay lúc đó tôi chợt nhớ đến hai câu thơ tựa đề "Lính Thú Đồi Xưa" trong đó có câu:

*Chém tre dẫn gỗ trên ngàn*

*Hữu thân hữu khổ phân ngàn cùng ai?*

Tuy là khác cảnh ngộ, hai câu thơ này đã có tác dụng an ủi tôi, và tôi lại tiếp tục đối đầu với thực tại.

Đến cuối năm 1978, Tôi lại phải chuyển trại một lần nữa. Họ chuyển chúng tôi đến một trại giam vùng đồng bằng thuộc tỉnh **Hà Sơn Bình**. Lý do chuyển trại kỳ này là do họ biết trước Trung-Quốc sẽ tiến hành chiến tranh tại vùng Tây- Bắc. Và quả thực, chiến sự đã xảy ra vào tháng 2 năm 79 tại vùng này. Đã có một ít thay đổi, về mặt quản lý tù cải tạo, khi họ chuyển chúng tôi về trại giam mới này. Quân đội cộng sản không còn

quản lý chúng tôi nữa, họ giao chúng tôi cho công an đảm trách. Phải công nhận rằng chế độ quản lý tù nhân của công an cộng sản chuyên nghiệp hơn là quân đội quản lý. Chúng tôi được phát những bộ quần áo tù bằng vải thô, có in hai chữ C. T (cải tạo) và số tù trên lưng áo. Ban ngày, tù nhân như chúng tôi được ra ngoài sinh hoạt và lao động, ban đêm bị nhốt trong nhà có cửa khoá. Kỷ luật của trại tù rất khắc nghiệt: Tù biệt giam đến cùm chân trong phòng tối, và dĩ nhiên bị giảm phần ăn nếu vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Trại giam này lúc đó có hai loại tù khác nhau: loại tù nhân không được xét xử của chế độ cũ như chúng tôi, và loại tù hình sự-tội phạm xã hội linh tinh.

Trong tù, tôi thường có những giấc mơ thật tuyệt vời. Tôi được tha khỏi trại tù, và được ăn những món ăn thật ngon, và và rất là khoái khẩu. Nhưng khi tỉnh dậy, thấy mình vẫn còn ở trong trại tù, đối diện với thực tại thật là bi đát, thiếu thốn đủ mọi thứ tự do, chưa kể những cơn đói đến thường xuyên. Nhìn những tù nhân hình sự, tôi thấy họ còn thê thảm hơn chúng tôi. Họ bị ghẻ lở, và chỉ còn da bọc xương. Có những người bước đi không vững, hai con mắt sâu thụt vào tận đáy của hốc mắt, và đầu trọc lóc trông giống như cái sọ dừa khô. Họ giống như thể là những bộ xương cách trí, được trưng bày trong những phòng thí nghiệm nhưng có thể di động được! Khi hỏi họ, tôi được biết họ đã bị tù nhiều năm, và tôi chợt nghĩ đến số phận mình cũng có thể giống như họ một ngày nào đó, tôi bỗng rùng cả mình! Chế độ giam giữ tù nhân của chế độ cộng sản là như thế. **Chính sách gọi là cải tạo của đảng cộng sản, thực chất chỉ là sự đẩy đọa tù nhân trong các trại giam để họ chết dần mòn.** Và với bản chất vô nhân đạo, cộng sản không cải tạo được ai cả, ngược lại chỉ gây thêm hận thù đối với chế độ cộng sản.

Chúng tôi là những tù nhân chính trị, dĩ nhiên có bản lĩnh và tư cách hơn tù hình sự. Vì thế, cho dù đói khổ, chúng tôi, thật sự bề ngoài, trông không nhếch nhác, tòi tệ như tù nhân hình sự. Và chủ yếu nhờ vào tinh thần, chúng tôi có thể thắng được nghịch cảnh. Câu nói, "*Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại.*", hoặc như Henri Charrière viết trong cuốn "Papillon" rằng trong tù không phải một giờ là 60 phút mà là 600 phút quả thật không sai. Và đối với chúng tôi, nó có sự khác biệt: chúng tôi là những tù nhân không có án tù. Vì thế, ngày hết bản án tù là vô hạn định. Tôi không thể mong chờ cho ngày qua mau, để hết hạn tù và được trả tự do, nói một cách khác!

Tôi cho rằng cái gọi là chính sách cải tạo của cộng sản Việt-Nam chỉ là một sự trả thù ác độc và nhỏ mọn. Nó đã đẩy đọa và làm thui chột đi rất nhiều tài nguyên nhân lực có giá trị của đất nước. Nó đã xô đẩy con người từ có nhân phẩm đến bị mất nhân phẩm! Đảng cộng sản Việt-Nam- một sản phẩm của chủ nghĩa cộng sản quốc-tế, không có bất cứ danh nghĩa gì để cải tạo chúng tôi. Họ không thể mang cái nghèo nàn, đói nát, tù đầy và giết hại để tranh thủ nhân tâm. Đảng cộng sản Việt Nam gọi phía quốc gia, tức Việt Nam Cộng Hoà là nguy quyền và nguy quân là không đúng, khiếm nhã và xúc phạm. Chính thể Việt Nam Cộng Hoà (VNCH), do dân bầu ra, là kế thừa của chính phủ quốc gia có từ vua Bảo Đại thuộc nhà Nguyễn, do Mỹ hỗ trợ. Trong khi đó, **chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (VNDCCH) lập ra do cướp được thời cơ chính trị năm 1945.** Điều rõ ràng là ông Hồ Chí Minh, một cán bộ của đệ tam cộng sản quốc tế, và do phe cộng sản hỗ trợ làm lãnh tụ của VNDCCH. **Do đó, sự "chính danh" của mỗi bên cần phải được lịch sử xét đoán một cách công bằng, hợp lý và trên căn bản lợi ích dân tộc.**

Thiết nghĩ rằng điều quan trọng là chế độ chính trị nào mang đến sự sung túc, tự do và dân chủ cho người dân thì đó là chế độ chính trị tốt đẹp. Trên thế giới, Liên Xô và các nước cộng sản sụp đổ toàn bộ vào cuối thập niên 1990, vì không mang lại no ấm, tự do và dân chủ cho nhân dân họ. Nhìn về Việt Nam, sau 30-04-1975 nhân dân cả nước đói khổ, không dân chủ, chẳng có tự do mà cũng không độc lập dưới cả hai chế độ VNDCCH rồi đến Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Qua 30 năm chiến đấu, hàng triệu đồng bào chết để tiến lên chủ nghĩa xã hội, theo kinh tế tập thể, quốc doanh. Cuối cùng, Đảng cộng sản Việt Nam cũng phải chấp nhận đi theo kinh tế tư bản, thị trường tự do giống như chế độ VNCH đã có từ trước 1975!

Sau gần bảy năm bị giam giữ, tôi được tha về nơi tôi trú quán trước 1975 để công an địa phương quản chế - từ một ao tù nhỏ ra một ao tù lớn. Nghĩ về suốt quá trình bị tù đầy, và cho đến khi được ra khỏi trại tù, tôi cảm thấy rất thanh thản trong lòng. Tôi đã giữ vững được tinh thần, không làm một điều gì để mất danh dự cá nhân, cũng như tập thể cùng chung số phận "cá chậu chim lồng" như tôi.

## Chương 3: Sống Bên Lề Xã Hội Cộng Sản

Giống như một cuộc xổ số, vào một buổi sáng tập hợp toàn trại, tên tôi được gọi cùng với một số bạn tù khác trong danh sách được tha khỏi trại tù vào tháng 8 năm 1981. Không giống như lần bị đưa ra miền Bắc để giam giữ, lần này chúng tôi được đi bằng xe lửa để về miền Nam và ngồi chung với những hành khách bình thường khác. Tuy rằng tôi mặc y phục dân sự bình thường, một số hành khách trên xe lửa đã có thể nhận ra tôi là tù cải tạo của chế độ cũ. Có một hành khách ngồi cạnh tôi, qua chuyện trò xã giao, đã hỏi tôi:

- Chắc anh là tù cải tạo bị đưa ra miền Bắc và mới được tha ?

Tôi định trả lời "không", nhưng nghĩ tại sao mà phải giấu, hơn nữa để thử xem thái độ của ông ta ra sao, tôi trả lời:

- Phải, mà sao ông biết?

- Tôi đoán như thế. Trông anh không có vẻ như người dân sống ở miền Bắc này. Anh ít nói chuyện về các sinh hoạt sống hiện tại, và có vẻ khép kín.

Từ lúc biết tôi mới ở tù ra, ông hành khách này, và một số người khác ngồi gần tôi tỏ ra thân mật với tôi. Vì thế, cuộc hành trình trên xe lửa đã làm cho tôi đỡ tẻ nhạt. Qua đèo Hải-vân rồi đến đèo Cả, cảnh sắc thiên nhiên xung quanh thật đẹp và hùng vĩ. Chuyến xe lửa cứ tiếp tục lao đi, và tôi có cảm giác là cứ mỗi đoạn đường xe lửa chạy qua, tôi như vứt bỏ được những tháng ngày ghê gớm của nhà tù, để thay thế vào đó những niềm vui được gặp lại bố mẹ, vợ con và các em tôi. Sau gần 7 năm trong tù, khi trở về chốn cũ, tôi thấy đã có chút ít thay đổi về cảnh vật. Vì thế, sau khi bước ra khỏi xe xích lô, tôi đã phải đi loang quanh một hồi, mới tìm thấy con đường hẻm dẫn đến nhà tôi.

Sau một thời gian ngắn, hưởng sự đầm ấm, và niềm vui đoàn tụ, với những người thân của gia đình, tôi bắt đầu phải đối diện với đời sống thực tế của xã hội lúc bấy giờ. Đối với chính quyền địa phương, tôi phải trình diện công an cấp phường mỗi tuần một lần, vì sau khi ra khỏi trại giam, tôi phải bị quản chế bởi công an địa phương. Trong điều kiện hạn chế tự do cá nhân như thế, tôi lại phải đương đầu với một cuộc sống vật chất hàng ngày vô cùng khó khăn. Vì không được cấp phát hộ khẩu, Tôi không thể xin việc làm trong những cơ quan hay xí-nghiệp. Cách kiếm sống duy nhất là tự xoay sở lấy để sống.

Ban đầu, vợ chồng con cái chúng tôi sống bằng nguồn lợi tức từ việc trồng rau muống. Nhưng không đủ sống, phần vì diện tích canh tác nhỏ, phần vì không có phương tiện để khai thác rau về mùa nắng. Do đó, chúng tôi đã phải bưng chài làm bất cứ việc gì có thể, miễn sao có thể sống qua ngày. Tôi đã vật lộn với cuộc sống lúc bấy giờ, hầu như không ngừng nghỉ, đến nỗi tôi như không còn biết tôi là gì nữa vì không có thời gian cho mình! Khi tôi được ra tù, chiếc nhẫn cưới của tôi cũng được trả lại. Do cuộc sống khó khăn, vợ chồng tôi quyết định bán chiếc nhẫn của tôi để chi tiêu. **Đem đến tiệm vàng bán, chúng tôi được biết đó là vàng giả. Vì sao? Cai tù cộng sản đã lấy cắp cái nhẫn vàng thật, và thay thế bằng cái nhẫn vàng giả!**

Mặc dầu làm việc với mức độ như thế, đời sống vật chất của chúng tôi vẫn không bớt khó khăn, và hầu như phải chạy ăn từng bữa, nói chi đến điều gọi là no đủ! Sự thiếu thốn vật chất đối với tôi cũng như vợ tôi coi như không là chuyện lớn. Nhưng đối với các con tôi, đứa lớn nhất mới 8 tuổi, đứa bé nhất lúc đó mới chỉ vài tháng tuổi, sự thiếu thốn đó đã làm cho chúng tôi thật sự đau lòng! Tết đến, chúng tôi đã không thể may sắm quần áo mới cho các con mình. Khi cháu thứ hai chào đời, chúng tôi chỉ vồn vện có một cái khăn lông (bath towel) duy nhất dùng để quấn cho con ngủ. Và cái khăn lông có một không hai đó, được xử dụng cho đến khi trở thành cái giẻ rách mới chịu vứt bỏ!

Đây là thảm trạng gần như chung của tất cả mọi người lúc bấy giờ, nhất là những người đã làm việc trong chế độ cũ. Cộng sản Việt-Nam không biết làm kinh tế. Họ chỉ biết làm tay sai cho cộng sản quốc tế chém giết một cách vô nhân đạo để thực hiện một chủ nghĩa chính trị không tưởng. Không thống nhất đất nước, chỉ có một nửa nước nghèo đói, thụt lùi. Nhưng sau khi cả nước thống nhất, cả nước nghèo đói, cả nước thụt lùi! Tại Liên-Xô, ông Mikhail Gorbachev lên cầm quyền từ tháng 3 năm 1985. Ông ta đã đưa ra một số cải tổ theo chiều hướng cởi mở (Glasnost), cũng như đổi mới về kinh tế và xã hội (Perestroika) tại nước này, thực chất là kinh tế quốc doanh và độc tài đảng trị đang trên đà phá sản. Các nước cộng sản chur hầu, kể cả cộng sản Việt-Nam cũng bắt đầu làm theo những kế hoạch đổi mới này, kể từ năm 1987. Đây là một điều khá may mắn cho nhân dân Việt-Nam, bởi vì họ có được cơ hội sống dễ thở một chút, nếu so với khi chế độ cộng sản chưa cởi mở trước đó.

Do chế độ cộng sản Liên-Xô bị sụp đổ năm 1991, cộng sản Việt-Nam mới phải chuyển hướng để có quan hệ với các nước tư bản tây phương, nhất là với Mỹ. Với sự áp dụng kinh tế thị trường, đời sống vật chất của thiểu số dân chúng tương đối được cải thiện đôi chút. **Nhìn chung, đại đa số dân chúng vẫn còn có nhiều khó khăn về mặt vật chất.** Điều này dễ hiểu, bởi vì đảng cộng sản Việt-Nam vẫn nắm tất cả các quyền về kinh tế, chính trị, xã hội, tôn giáo và báo chí, v... v... chưa kể tới **nạn tham nhũng và bóc lột hoành hành!**

Việt-Nam sau hơn ba mươi năm thống nhất và không có chiến tranh, đảng cộng sản Việt-Nam đã **làm cho đất nước trở thành là một trong số những nước nghèo nhất thế giới!** Điều mỉa mai là trong khi đại đa số dân chúng nghèo khổ, các cán bộ cộng sản, nhất là giới lãnh đạo cao cấp lại quá giàu. Họ trở thành những tay “tư bản đỏ”. Và đó cũng chính là một trong những cái hệ lụy và hậu quả của cái gọi là “Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa” quái đản! Tại sao? Một cách đơn giản bởi vì kinh tế tự do phải đi với chế độ chính trị dân chủ đa đảng. Không như trong chế độ độc tài đảng tri cộng sản, sự phân quyền lập pháp, tư-pháp và hành-pháp, và các quyền khác trong dân chủ tây phương sẽ kiểm soát lẫn nhau để bảo đảm giảm thiểu hối lộ và tham nhũng.

Do thực trạng này, người Việt trong nước vẫn tiếp tục bỏ nước ra đi để tìm cuộc sống mới, kể từ sau tháng 4 năm 1975.